

Bản án số: 01/2024/HC-PT

Ngày: 05-09-2024

“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính và hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí
Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh
Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà A K, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/05/2023).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Ngọc T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn Ú là người khởi kiện.

(Bà X, ông H có mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người khởi kiện có nội dung như sau:

Ông Huỳnh Văn Ú là người sử dụng thửa đất số 279, tờ bản đồ số 2, diện

tích 1.320,2m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất từ ông, bà của ông Ú để lại từ trước năm 1975 cho đến nay. Trong quá trình sử dụng thửa đất số 279 thì gia đình ông Ú đã tự đắp 01 lối đi riêng để đi vào nhà. Lối đi riêng này nằm giữa thửa đất số 528, 892 của ông Nguyễn Văn Đ và thửa đất số 301 của bà Huỳnh Thị Ngọc L. Cạnh phía đông của lối đi này có rào ranh giới rõ ràng giữa thửa đất số 528, 892 với lối đi. Lối đi mà gia đình ông Ú tự tạo từ trước năm 1975 đến nay không có ai sử dụng, chỉ có gia đình ông Ú sử dụng.

Năm 2012, do lối đi hẹp nên ông Ú có thỏa thuận với ông Huỳnh Văn C (trước đây là chủ sử dụng thửa đất số 301) để ông C chuyển nhượng cho ông Ú phần đất có diện tích rộng 2,3m, chiều dài từ thửa đất số 279 của ông Ú ra giáp đến đường giao thông. Cuối năm 2022, ông Ú tiến hành xây hàng rào trên lối đi này, ông Đ tranh chấp không cho ông Ú xây hàng rào, với lý do ông Đ cho rằng đây là lối đi chung. Ngày 17/02/2023, ông Ú có làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã T và được Ủy ban nhân dân xã T trả lời theo Văn bản số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 với nội dung:

“... L1 đi có điểm đầu tiếp giáp với đường giao thông nông thôn bê tông, điểm cuối tiếp giáp thửa đất số 279, tờ bản đồ số 2 có chiều dài khoảng 56m được hình thành từ rất lâu, khu vực này có một số hộ sinh sống và sử dụng lối đi khác, chỉ có hộ ông Ú sử dụng lối đi này.

Nguồn gốc lối đi này được hình thành trước năm 1975, đã trải qua nhiều năm, nên người dân không rõ nguồn gốc hình thành từ đất của ai.

Qua xem xét hồ sơ địa chính hiện nay thì lối đi này được thể hiện trên bản đồ địa chính. Do đó, lối đi này do Ủy ban nhân dân xã quản lý”.

Ông Ú không đồng ý với văn bản trả lời này, nên ngày 14/3/2023 ông Ú đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã T nhưng ông Ú không nhận được văn bản trả lời khiếu nại của Ủy ban nhân dân xã T. Do đó đến ngày 10/4/2023, ông Ú tiếp tục tiến hành xây hàng rào trên lối đi này thì Ủy ban nhân dân xã cử cán bộ đến lập biên bản đình chỉ việc xây hàng rào của ông Ú.

Vì vậy, ông Ú khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản trả lời số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Huỳnh Văn Ú. Đồng thời, ông Ú yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An chấm dứt hành vi buộc ông Huỳnh Văn Ú đình chỉ xây dựng hàng rào. Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ông Ú có yêu cầu xác nhận lối đi (đường đất rộng 01m, dài khoảng 65m) này là lối đi riêng của gia đình ông Ú, nhưng trước khi thụ lý vụ án, ông Ú đã rút lại yêu cầu này.

Người đại diện theo ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Căn cứ vào hồ sơ địa chính và xác minh của Ủy ban nhân dân xã T thì đường đất mà ông Ú đề cập đến có điểm đầu tiếp giáp với đường giao thông nông thôn bê tông, điểm cuối tiếp giáp thửa đất số 279, tờ bản đồ số 2 có chiều dài khoảng 56m nằm giữa thửa đất số 301 với thửa đất 528, 892, đường đất này là lối đi công cộng. Căn cứ vào Điều 42 Nghị định số 11/2010/ NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đường bộ trên địa bàn xã. Điều 20 của Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT, ngày 08/8/2014 của Bộ G hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao

thông nông thôn thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: “Tổ chức quản lý đối với các tuyến đường giao thông nông thôn theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp trên và quy định của pháp luật”. Do đó tại Công văn số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Huỳnh Văn Ú đã xác định lối đi này là lối đi công cộng do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Ngày 10/4/2023, ông Ú tiến hành xây hàng rào trên lối đi này nên Ủy ban nhân dân xã T đã lập biên bản yêu cầu ông Ú đình chỉ xây dựng hàng rào trên lối đi này. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã T không đồng ý với các yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 31, Điều 159, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 4 khoản 2, Điều 8 khoản 2, Điều 208 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú về việc yêu cầu hủy Văn bản số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An chấm dứt hành vi buộc ông Huỳnh Văn Ú đình chỉ xây dựng trên lối đi nằm giữa các thửa đất số 301 và thửa đất số 528, 892 thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/09/2023, ông Huỳnh Văn Ú kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, tuyên hủy Văn bản trả lời số 78/UBND-ĐC ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T thu hồi biên bản “Về việc đình chỉ việc xây dựng hàng rào trên phần đất công do UBND xã quản lý ngày 10/04/2023”.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền cho ông Ú là bà Trần Thị Hồng X không rút đơn khởi kiện và không đồng ý rút kháng cáo.

Đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T giữ nguyên lời trình bày như trên và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng Hành chính.

Ông Huỳnh Văn Ú kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy ông Ú kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú về việc yêu cầu hủy Văn bản số 78/UBND-ĐC ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An là có căn cứ. Bởi lẽ, lối đi là đường đất có chiều

ngang 01m được hình thành từ trước 1975. Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015, bác toàn bộ kháng cáo của ông **Huỳnh Văn Ú**, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Về án phí hành chính phúc thẩm ông **Huỳnh Văn Ú** có đơn xin miễn án phí, do vậy không phải chịu.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông **Huỳnh Văn Ú** có đơn kháng cáo trong hạn luật định và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của ông **Huỳnh Văn Ú** yêu cầu hủy Văn bản số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị của ông **Huỳnh Văn Ú**. Đồng thời, ông **Ú** yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An chấm dứt hành vi buộc ông **Huỳnh Văn Ú** đình chỉ xây dựng hàng rào. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân cấp xã, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 31 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện là ông **Ú** có đơn kháng cáo, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp theo quy định tại Điều 204, 217 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản hành chính số 78/UBND-ĐC của Ủy ban nhân dân xã T được ban hành vào ngày 17/02/2023, còn hành vi buộc đình chỉ xây dựng của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện theo biên bản là ngày 10/4/2023. Do đó, ngày 25/4/2023 ông **Ú** nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu, đúng quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Về Nội dung:

Căn cứ bản đồ địa chính lập năm 2010 thể hiện “giáp ranh giữa thửa đất số 301 với thửa đất số 528 và 892 là lối đi (đường giao thông) thuộc loại đất giao thông (nhóm đất sử dụng vào mục đích công cộng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 279 cấp cho ông **Huỳnh Văn Ú** ngày 30/10/2010, thửa đất số 301 cấp cho ông **Huỳnh Văn C** ngày 30/10/2010 và thửa đất số 528, 892 cấp cho ông **Nguyễn Văn Đ** cũng thể hiện thửa đất số 301 với các thửa đất số 528, 892 ngăn cách bởi đường giao thông. Theo Mảnh trích đo số 328-2021 ngày 23/6/2021 khi ông **Ú** khởi kiện tranh chấp yêu cầu mở lối đi với bà **Huỳnh Thị Ngọc L** thì vẫn thể hiện đường đất 01m này. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 143/2022/DS-PT ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc giải quyết tranh chấp mở lối đi giữa ông **Ú** và bà **Huỳnh Thị Ngọc L** thì ông **Ú** cũng thừa nhận lối đi này là lối đi công cộng, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Ú**. Do đó, phần diện tích lối đi này thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Điều 4: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do

Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý...”; khoản 2 Điều 8: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương”; khoản 2 Điều 208: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”. Như vậy, đất đai do Nhà nước thống nhất quản lý và việc quản lý này thông qua việc Nhà nước quy định phân cấp giao cho cơ quan nhà nước các cấp chịu trách nhiệm quản lý trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã. Đồng thời, theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông Tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ G hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn có quy định phân công quản lý đường giao thông nông thôn cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 quy chế phối hợp về quản lý sử dụng đất do nhà nước quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L thì đất công giao cho Ủy ban nhân dân xã Q.

Bản án sơ thẩm xác định việc Ủy ban nhân dân xã T ban hành Văn bản số 78/UBND-ĐC, ngày 17/02/2023 xác định lối đi giữa thửa đất số 301 và thửa đất số 528, 892 do Ủy ban nhân dân xã T quản lý và việc Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản yêu cầu ông Ú đình chỉ thi công đối với hành vi xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn Ú như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn Ú phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, do ông Ú là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí đã được Tòa án chấp nhận, do đó ông Ú không phải nộp án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 30, Điều 31, Điều 116, Điều 204, Điều 217, Điều 349, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Căn cứ khoản 2 Điều 8, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn Ú, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú về việc yêu cầu hủy Văn bản số 78/UBND-ĐC ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông Huỳnh Văn Ú về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An chấm dứt hành vi buộc ông Huỳnh Văn Ú đình chỉ xây dựng trên lối đi nằm giữa các thửa đất số 301 và thửa đất số 528, 892 thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn Ú thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh Long An;
- TAND, VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh Long An;
- TAND, VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

